

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm từ ngân sách nhà nước phục vụ Đề án thực hiện “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước”

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 2627/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thực hiện “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước” (sau đây gọi tắt là Đề án theo Quyết định số 2627/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm từ ngân sách nhà nước phục vụ Đề án thực hiện “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước”:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo Quyết định số 2627/QĐ-TTg.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án theo Quyết định số 2627/QĐ-TTg.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí

Kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án theo Quyết định số 2627/QĐ-TTg thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan, cụ thể:

1. Ngân sách trung ương bảo đảm:

a) Đối với hoạt động của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương: Do ngân sách trung ương bảo đảm, được bố trí cùng với dự toán chi ngân sách hoạt động thường xuyên của Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và được ghi thành một nội dung riêng trong dự toán của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương;

b) Kinh phí hỗ trợ cho phía Lào theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 của Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm:

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí đối với các hoạt động thuộc nhiệm vụ của địa phương. Đối với địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương để thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này.

3. Kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án theo Quyết định số 2627/QĐ-TTg phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và theo các quy định tại Thông tư này.

Kinh phí từ nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thực hiện đúng theo sự thỏa thuận với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ trong và ngoài nước và phù hợp với pháp luật Việt Nam. Trường hợp không có thỏa thuận thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nội dung chi

1. Nội dung chi áp dụng chung đối với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương:

a) Chi phục vụ các đoàn của Việt Nam sang Lào đàm phán, hội họp;

b) Chi đưa, đón trong nước đoàn của Lào sang Việt Nam đàm phán, hội họp;

c) Chi dịch thuật;

d) Chi tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên tham gia thực hiện Đề án;

đ) Chi hoạt động (trong nước và ngoài nước) phục vụ việc khảo sát, điều tra, thống kê và phân loại đối tượng di cư tự do và kết hôn không giá thú; hoạt động đôn đốc, kiểm tra, chấn chỉnh việc giải quyết nhập quốc tịch Việt Nam, cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam và đăng ký hộ tịch; công tác xác minh, tiếp nhận những người do phía Lào trao trả hoặc trao trả người Lào về nước;

- Chi công tác phí (trong nước và ngoài nước);
- Chi soạn báo cáo tổng kê, tổng hợp kết quả điều tra, phân loại đối tượng di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới; soạn báo cáo tổng hợp kết quả xác minh để tiếp nhận những người do phía Lào trao trả hoặc trao trả người Lào về nước;
- e) Chi phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới và các quy định của Thỏa thuận;
- g) Chi hoạt động thường xuyên khác của Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận và Đoàn Chuyên viên liên hợp; Tổ Chuyên viên liên hợp;
- h) Chi hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thực hiện Đề án;
- i) Chi khen thưởng cho các cán bộ có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Đề án;
- k) Các khoản chi phát sinh khác phục vụ trực tiếp thực hiện Đề án (nếu có);
- l) Chi tiếp nhận, giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam, cấp giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam, đăng ký hộ tịch và cấp các giấy tờ cần thiết khác.

2. Nội dung chi đặc thù áp dụng đối với các địa phương:

Ngoài các nội dung chi áp dụng chung nêu tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này, các địa phương được chi thêm các nội dung sau:

- a) Chi cho việc ăn, ở, thuốc chữa bệnh và chuyên chở người Việt Nam về nước do phía Lào trao trả;
- b) Kinh phí hỗ trợ phía Lào cho việc trao trả người Lào phải trở về nước cho đến khi bàn giao tại địa điểm giao nhận theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 của Thỏa thuận bao gồm các khoản: chi phí ăn, ở, thuốc chữa bệnh và chi phí chuyên chở người Lào về nước;
- c) Hỗ trợ tái hòa nhập cho số người Việt Nam do phía Lào trao trả:
 - Hỗ trợ về nhà ở;
 - Hỗ trợ đất ở, giải quyết việc làm;
 - Hỗ trợ học nghề;
 - Hỗ trợ về y tế;
 - Hỗ trợ về giáo dục;
 - Trợ giúp đột xuất trước mắt đối với các đối tượng khó khăn trong thời gian mới trở về chưa đăng ký được hộ khẩu, hộ tịch (gạo, lều bạt làm nơi ở tạm, hỗ trợ y tế).

Điều 4. Chế độ định mức chi

1. Các nội dung chi thực hiện theo các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của nhà nước gồm:

a) Chi công tác phí cho những người đi công tác nước ngoài: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

b) Chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước; chi hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thực hiện Đề án: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính tại văn bản quy định về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

d) Chi tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên tham gia thực hiện Đề án (tối đa 5 ngày): Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ chi từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

đ) Chi phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới và các quy định của Thỏa thuận: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về chế độ chi từ ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

e) Chi khen thưởng cho các cán bộ có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Đề án: Thực hiện theo quy định hiện hành của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

g) Chi hoạt động thường xuyên khác của Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận, Đoàn Chuyên viên liên hợp, Tổ Chuyên viên liên hợp: Thực hiện theo chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chuẩn chi chịu trách nhiệm trước pháp luật; khi quyết toán phải căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo đúng quy định.

2. Định mức chi đối với một số nội dung công việc đặc thù như sau:

a) Chi phục vụ các đoàn của Việt Nam sang Lào đàm phán, hội họp:

Thực hiện theo quy định hiện hành tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí. Ngoài ra, được chi mua tặng phẩm tặng bạn, mức chi mua tặng phẩm thực hiện theo quy định tại điểm h, Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước (sau đây gọi là Thông tư số 01/2010/TT-BTC);

b) Chi đưa đón trong nước các đoàn của Lào sang Việt Nam đàm phán, hội họp:

- Chi thuê phòng họp, thuê xe đưa đón khách (nếu có): Theo thực tế căn cứ vào hợp đồng có chứng từ, hóa đơn hợp pháp;

- Chi đón tiếp xã giao thực hiện theo mức chi quy định tại điểm e, Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính;

- Chi tổ chức chiêu đãi: Mỗi đoàn đàm phán, hội họp được tổ chức chiêu đãi hai lần (khi gặp mặt và khi kết thúc). Mức chi chiêu đãi khách thực hiện theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính;

- Chi mua tặng phẩm tặng bạn, mức chi mua tặng phẩm thực hiện theo quy định tại điểm h, Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính;

c) Chi bồi dưỡng đối với cán bộ Việt Nam tham gia đoàn đàm phán tổ chức ở trong nước: Ngoài chế độ công tác phí trong nước theo quy định hiện hành, được chi bồi dưỡng mức 150.000 đồng/người/buổi cho các thành viên và cán bộ trong danh sách phục vụ đoàn đàm phán trong những ngày tham gia phiên họp chuẩn bị và các phiên đàm phán chính thức;

d) Chi báo cáo thống kê, tổng hợp kết quả điều tra, phân loại đối tượng di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới; báo cáo tổng hợp kết quả xác minh để tiếp nhận những người do phía Lào trao trả hoặc trao trả người Lào về nước: 2.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Chi tiếp nhận, giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam, cấp giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam, đăng ký hộ tịch và cấp các giấy tờ cần thiết khác: Theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về quy trình, thủ tục và miễn lệ phí theo quy định của Thỏa thuận;

e) Chi cho việc ăn, ở, thuốc chữa bệnh và chuyên chở người Việt Nam về nước do phía Lào trao trả và người Lào về nước do Việt Nam trao trả:

- Mức chi tiền ăn, ở: Tối đa không vượt quá mức chi tiền công tác phí hiện hành áp dụng đối với cán bộ, công chức nhà nước đi công tác trong nước;

- Tiền thuốc chữa bệnh: Thanh toán theo chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ;

- Chi phí chuyên chở người Việt Nam và người Lào về nước: Thanh toán theo hóa đơn hợp pháp, hợp lệ. Trường hợp không có hóa đơn thì do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định hỗ trợ tối đa bằng giá vé xe ô tô khách loại trung bình trên cùng cung đường.

Chứng từ chi các khoản nêu trên phải có chữ ký hoặc điểm chỉ xác nhận đã thực chi của người Việt Nam về nước do phía Lào trao trả và của người Lào về nước do phía Việt Nam trao trả.

g) Chi hỗ trợ tái hòa nhập cho số người Việt Nam do phía Lào trao trả: Tùy hoàn cảnh thực tế của từng người và điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng các chính sách dưới đây để quy định cụ thể việc hỗ trợ:

- Hỗ trợ về nhà ở: Vận dụng theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg;

- Hỗ trợ đất ở, giải quyết việc làm: Vận dụng theo quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015;

- Hỗ trợ học nghề: Vận dụng theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;

- Hỗ trợ về y tế: Vận dụng chính sách hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế theo Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ;

- Hỗ trợ về giáo dục: Vận dụng chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP.

- Trợ giúp đột xuất trước mắt đối với các đối tượng khó khăn trong thời gian mới về chưa đăng ký được hộ khẩu, hộ tịch: Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 3 tháng; hỗ trợ mua lều bạt làm nơi ở tạm 3 triệu đồng/hộ; hỗ trợ y tế bình quân 50.000 đồng/người/tháng (trong thời gian 3 tháng).

Điều 5. Lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện Đề án thực hiện theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Đối với kinh phí do các cơ quan địa phương thực hiện: Hàng năm, căn cứ tiến độ thực hiện Đề án và chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này, các cơ quan địa phương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Đề án (bao gồm cả kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách địa phương bảo đảm và phần đề nghị ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương) gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và văn bản hướng dẫn Luật.

3. Việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Đề án được thực hiện theo chế độ và quy định quản lý tài chính hiện hành. Kinh phí cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng cho các công việc của Đề án.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 và hết hiệu lực khi Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước chấm dứt hiệu lực.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng các quy định của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Chí Trung